



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN DUY THUOC
Last Middle First

Current Address: 190 NGUYEN THUONG HIEN PHUONG 6 BINH THANH TP HO CHI MINH

Date of Birth: 1925 Place of Birth: KIEN AN

Previous Occupation (before 1975) TRUNG UY BIEN DOI PHO TRAI ANDUONG QUAN DOI
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 15-06-1975 To 21-01-1981
Years: 1981 Months: 01 Days: 21

3. SPONSOR'S NAME: THUY NGUYEN DUY
Name
Address and Telephone Number SAN JCK CA

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
<u>THUY NGUYEN DUY</u>	<u>SON</u>
<u>SAN JCK CA</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP PA.
NGUYEN THI TINH	27-06-1923	wife
NGUYEN DUY TUAN	8-3-1964	SON
NGUYEN DUY THIÊP	6-2-1966	SON
NGUYEN THI TUYET	4-2-1968	DAUGHTER

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

19C NGUYEN THUONG HIEN PHUONG 6
QUAN BINH THANH TP HO CHI MINH

6. ADDITIONAL INFORMATION :



Nguyễn duy Tiến
Cấp Bắc Trung úy
Số quân 25/062155
Ngày ghi Nguyễn duy Tiến
3547 Chamberlain DR
San Jose CA 95121

Nguyễn duy Tiến
Cấp Bắc Trung úy
Số quân 25/062155
Ngày ghi Nguyễn duy Tiến
3547 Chamberlain DR
San Jose CA 95121



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN DUY THUOC
Last Middle First

Current Address: 190 NGUYEN THUONG HIEN PHUONG 6 BINH THANH TP HO CHI MINH

Date of Birth: 1925 Place of Birth: KIEN AN

Previous Occupation (before 1975) TRUNG UY BIEN DOI PHO TRAI ANDUONG QUAN DOI
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 15 - 06 - 1975 To 21 - 01 - 1981
Years: 1981 Months: 01 Days: 21

3. SPONSOR'S NAME: THUY NGUYEN DUY
Name
SAN JOE CA
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
<u>THUY NGUYEN DUY</u>	<u>SON</u>
<u>SAN JOE CA</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP PA.
NGUYEN THI TINH	27-06-1923	wife
NGUYEN DUY TUAN	8-3-1964	SON
NGUYEN DUY THIÊP	6-2-1966	SON
NGUYEN THI TUYET	4-2-1968	DAUGHTER

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

190 NGUYEN THƯỜNG HIÊN PHƯỜNG 6

QUẬN BÌNH THẠNH T.P. HỒ CHÍ MINH

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN DUY THUOC
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 09 13 1935
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ✓ Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): ✓
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 190 NGUYEN THUONG HIEN PHUONG 6 QUAN BINH -
 (Dia chi tai Viet-Nam) THANH TP HO CHI MINH SOUTH VIETNAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ✓ No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (Tu): 05-06-1975 To (Den): 21-01-1981

PLACE OF RE-EDUCATION: TRAI THANH CAM - (THANH HOA)
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): LIEN DOI PHO TRAI VIEN TRAI AN DUONG QUAN DOI

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): DU HOC KHOA AN NINH CAN BAN TAI OKINAWA (1971)
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): TRUNG UY
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): LIEN DOI PHO TRAI VIEN
AN DUONG QUAN DOI Date (nam): 1971-1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): ✓
 IV Number (So ho so): _____
 No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguai di theo): 04 NGUOI
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 190 NGUYEN THUONG HIEN
PHUONG 6 QUAN BINH THANH TP HO CHI MINH

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguai Bao tro):
NGUYEN DUY THUY
SAN JOSE CA

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): ✓

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): SON

NAME & SIGNATURE: Nd. Linh
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguai dien don nay) NGUYEN DUY THUY
SAN JOSE CA

DATE: 11 15 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI TINH ²	27-06-1923	Wife
NGUYEN DUY THANH	8-3-1964	Son
NGUYEN DUY THIẾP	6-2-1966	Son
NGUYEN THI TUYẾT ¹	4-2-1968	DAUGHTER

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

190 NGUYEN THƯỜNG HIỆN PHƯỜNG 6 QUẬN
BÌNH THẠNH TP HỒ CHÍ MINH

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN DUY THUOC
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 09 13 1925
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ✓ Female (Nu):

MARITAL STATUS Single (Doc than): Married (Co lap gia dinh): ✓
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 190 NGUYEN THUONG HIEN PHUONG 6 QUAN BINH -
(Dia chi tai Viet-Nam) THANH TP HO CHI MINH SOUTH VIETNAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ✓ No (Khong)
If Yes (Neu co): From (Tu): 05-06-1975 To (Den): 21-01-1981

PLACE OF RE-EDUCATION: TRAI THANH CAM - (THANH HOA)
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): LIEN DOI PHO TRAI VIEN TRAI AN DUONG QUAN DOI

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): DU HOC KHOA AN NINH CAN BAN TAI OKINAWA (1971)
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): TRUNG VY
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): LIEN DOI PHO TRAI VIEN
AN DUONG QUAN DOI Date (nam): 1971-1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): ✓
IV Number (So ho so):
No (Khong):

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguai di theo): 04 NGUOI
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 190 NGUYEN THUONG HIEN
PHUONG 6 QUAN BINH THANH TP HO CHI MINH

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguai Bao tro):
NGUYEN DUY THUY
SAN JOSE CA

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): No (Khong): ✓

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): SON

NAME & SIGNATURE: Nguyen Duy Thuy
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguai dien don nay) NGUYEN DUY THUY
SAN JOSE CA

DATE: 11 15 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES:	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI TINH ²	27-06-1923	Wife
NGUYEN DUY TAN	8-3-1964	Son
NGUYEN DUY THIÊP	6-2-1966	Son
NGUYEN THI TUYÊT ¹	4-2-1968	DAUGHTER

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

190 NGUYEN THƯỜNG HIEN PHƯỜNG 6 QUẬN
BÌNH THẠNH T.P. HỒ CHÍ MINH

. ADDITIONAL INFORMATION :

Kính thưa
ông, ông và Quý T. hân
Sĩ quan, các đồng chí và tập thể
chính quyền tại địa phương
P. hương 6.

Ngày 27-01-81

Đ. T. hân



HOANG DINH MIEN

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 25GS ngày 24 tháng 11 năm 1985.

0015 2 234

Hai ng. Lê Xuân Phức

Ông; Ủy ban Chính trị
Sở quan chính trị cấp Bộ
chính trị cấp Bộ
P. Chính trị

Ngày 27-01-57

Trưởng



Trích lục nguyên bản tên tru tại phòng Lục sự Tòa Hòa Giải Rong Quyen Bienhoa.

VIỆT-NAM (CONG-HÒA)

BỘ TƯ - PHÁP

Năm một ngàn chín trăm năm mươi sau ngày 20

Cơ Tư-Pháp Nam-Việt

tháng Tu hồi 9 giờ.

Tòa Hòa Giải R.Q

Trước mặt chúng tôi là Phạm Văn Ba

Biênhoa

Ngày 20 tháng 4 năm 1956

Thẩm-Phán Tòa Hòa-Giải Việt-Nam

GIẤY THẺ VÌ khai sanh
cho Nguyễn duy Thuộc
số 195

tại văn-phòng chúng tôi ở tại Tòa H.G.R.Q. Biênhoa

có Lục-sự Trần Văn Tai

giúp việc.

Đã đến hầu :

1— Nguyễn duy Văn Huy, 66 tuổi, làm ruộng, cư ngụ tại Hố Nai (Biênhoa) tờ khai căn cước số D90AI4007.

2— Nguyễn Văn Già, 66 tuổi, làm ruộng, cư ngụ tại Hố Nai (Biênhoa) tờ khai căn cước số 89AII100.

3— Nguyễn Ngọc Thanh, 43 tuổi, cư ngụ tại Hố Nai (Biênhoa) làm ruộng, tờ khai căn cước số 13A009552.

Những nhân chứng này đã tuyên thệ và khai quả quyết biết chắc tên Nguyễn duy Thuộc, sanh ngày 13-9-1925 tại làng Liêu Dinh tỉnh Kiến An, con của Nguyễn duy Than (sống) và Nguyễn thị Thinh (sống).

Và duyệt cơ mà y không có thể xin sao lục **khai sanh** cho y.

được là vì **bộ hồ tịch tỉnh Kiên an đã bị tiêu hủy**

Mấy người chứng đã xác nhận như trên đây, nên tôi phát giấy thể
vì **khai sanh** này cho tên **Nguyễn duy Thuộc**

để **nap vào hồ sơ tư nhân của đường sự**

tuân chiếu theo nghị-dịnh ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-tướng Chánh-
Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam. Các điều thứ 363 và tiếp-theo của bộ hình
luật canh cải, phạt tội nguy chứng về việc hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc
từ 50 đến 2.000 quan đã được đọc cho người chứng và nguyên đơn nghe.

Và các người chứng có ký tên với tôi và viên Lục-Sự sau khi đọc lại.

Ký tên: **Phạm Văn Ba, Trần Văn Tai, Huy, Gia, Thanh**

Ngoại lễ có biên như vậy: **Đồng bạch phần tại phong ba Saigon, ngày**
27-4-56, quyển 94, tờ 89, số 13/4 Ký tên: **Nguyễn Tân Xuân**

Tean sao y theo nguyên bản

Biên hòa, ngày 26 tháng Năm 1956

Chánh Lục sự



riech luc nguyen ban ten tru tai phong Luc su Toà Hoà Giải Rong Quyén Biênhoà.

GIÉT-NAM (CONG-HÒA)

BỘ TƯ PHÁP

Năm một ngàn chín trăm năm mươi sau ngày 20

Sở Tư-Pháp Nam-Việt

tháng Tu hồi 9 giờ.

Tòa Hòa Giải R.Q

Trước mặt chúng tôi là Phạm Văn Ba

Biênhoà

Ngày 20 tháng 4 năm 195 6

Thẩm-Phán Tòa Hòa-Giải Việt-Nam

tại văn-phòng chúng tôi ở tại Tòa H.G.R.Q. Biênhoà

GIẤY THẺ VÌ khai sanh
cho Nguyễn duy Thuộc
số I95

có Lục-sự Trần Văn Tài

giúp việc.

Đã đến hầu :

1— Nguyễn duy Văn Huy, 66 tuổi, làm ruộng, cư ngụ tại Hố Nai (Biênhoà) tờ khai căn cước số D90AI4007.

2— Nguyễn Văn Già, 66 tuổi, làm ruộng, cư ngụ tại Hố Nai (Biênhoà) tờ khai căn cước số 89AII00

3— Nguyễn Ngọc Thanh, 43 tuổi, cư ngụ tại Hố Nai (Biênhoà) làm vườn, tờ khai căn cước số I3A009552.

Những nhân chứng này đã tuyên thệ và khai quả quyết biết chắc tên Nguyễn duy Thuộc, sanh ngày 13-9-1925 tại làng Lieu Dinh tỉnh Kien An, con của Nguyễn duy Than (sống) và Nguyễn thi Thinh (sống).

Và duyên cớ mà y không có thể xin sao lục khai sanh cho y.

được là vì bộ hồ tịch tỉnh Kiên an đã bị tiêu hủy

Mấy người chứng đã xác nhận như trên đây, nên lời phát giấy, thể
vì khai sanh này cho tên Nguyễn duy Thuận

để nap vào hồ sơ tư nhân của đường sự

tuân chiếu theo nghị định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-tướng Chính-
Phủ Lâm-Thời Nam-Phân-Việt-Nam, Các điều thứ 363 và tiếp-theo của bộ hình
luật canh cải, phạt tội ngụy chứng về việc hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc
từ 50 đến 2.000 quan đã được đọc cho người chứng và nguyên đơn nghe.

Và các người chứng có ký tên với tội và viên Lục-Sự sau khi đọc lại.

Ký tên: Phạm văn Ba, Trần văn Tai, Huy, Già, Thanh

Ngoại lễ có biên như vậy: Đồng bache phân tại phong ba Saigon, ngày
27-4-56, quyển 94, tờ 89, số 13/4 Ký tên: Nguyễn tan Xuân

Tean sao y theo nguyên bản

Biên hóa, ngày 26 tháng Năm 1956

Chánh Lục sự



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ TƯ-PHÁP

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

TÒA PHONG-DINH

Trích-lục văn-kiến-thế-vi hộ-tịch lưu-trữ tại Phòng Lục-Sự

Toà H.G.R. J. PHONG-DINH

Một bản chánh giấy thế-vi khại sinh

cấp cho Nguyễn thị Tinh do Ông Nguyễn Thụy Lan

Chánh-Án Tòa H.G.R. PHONG-DINH

(1) Ngày 24-II-1960

Giấy thế-vi khại sinh

với tư-cách Thẩm-Phán Hòa-Giải, cấp ngày 24-II-1960

cho Nguyễn thị Tinh

và đã trước-bạ ;

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

(1) Số 1638

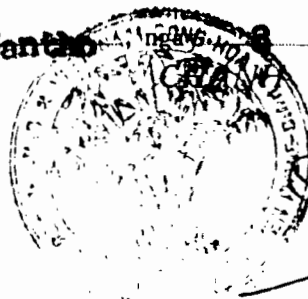
Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ - Tướng Chánh - Phủ Lâm - Thời Nam - Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình - Luật Canh - Cải sửa - đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên - thệ, quả quyết và Liệt chắc rằng : Nguyễn thị Tinh, nữ, sinh ngày 27-6-1923 tại Liêu Dinh, Kiên An (BP) con của Nguyễn Văn Nha và Nguyễn thị Xuy .

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH,

Lệ-phí : 5000

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.

Cantão ngày 8 tháng 12 năm 19 60
LỤC-SỰ,



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ TƯ-PHÁP

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

TÒA PHONGCẨM

Trích-lục văn-kiến thể-vi hộ-tịch lưu-trữ tại Phòng Lục-Sự
Toà H.G.R. J. PHONGCẨM

Một bản chánh giấy thể-vi khởi sinh

cấp cho Nguyễn thị Tinh do Ông Nguyễn Thụy Lân

(1) Ngày 24-II-1960

, Chánh-An Tòa HGRJ. PHONGCẨM

Giấy thể-vi khởi sinh

với tư-cách Thăm-Phán Hòa-Giải, cấp ngày 24-II-1960

cho Nguyễn thị Tinh

và đã trước-bạ ;

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

(1) Số 1683

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-dổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quyết và Liệt chắc rằng : Nguyễn thị Tinh, nữ, sinh ngày 27-6-1923 tại Liêu Dinh, Kiên An (BP) con của Nguyễn Văn Nha và Nguyễn thị Xuy .

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH,

Lệ-phí : 500

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.

Cantô, ngày 12 tháng 12 năm 1960
LỤC-SỰ,



VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH GIA - ĐỊNH

0/ES

XÃ BÌNH HÒA

BẢN TRÍCH LỤC
BỘ KHAI - SANH

Năm 1967

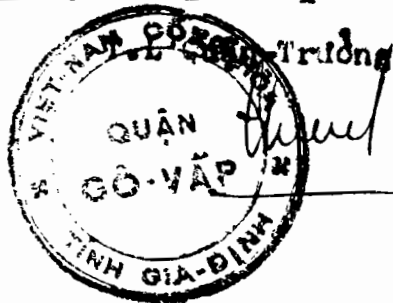
Số hiệu: 1905

HỒ SƠ QUÂN ĐỘI

Tên, họ đầu nhi	NGUYỄN - DUY - TUÂN
Phối	Nam
Sanh	Ngày tám, tháng ba, năm một ngàn
(ngày, tháng, năm)	chín trăm sáu mươi bốn
Tại	Bảo sanh Phước - Lập xã Bình - Hòa
Cha	Nguyễn - Duy - Thuộc
(Tên, họ)	Quân nhân
Nghề	Xã Bình - Hòa
Cư trú tại	Nguyễn - Thị - Tĩnh
Mẹ	Nội trợ
(Tên, họ)	Xã Bình - Hòa
Nghề	Vợ chánh
Cư trú tại	
Vợ	
(Chánh hay thứ)	

Chúng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ - Tịch
kiêm Ủy - viên Hộ - tịch Xã Bình - Hòa

Gò - Vấp, ngày 19 tháng 10 năm 1967



THỦ LƯU NGUYỄN - VĂN - THANH
PHỤ - TA

Trích y bản chánh :



Bình - Hòa, ngày 19 tháng 10 năm 1967

Vũ - Thành - Hà

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH

0/ES

XÃ BÌNH-HÒA

BỔN TRÍCH LỤC
BỘ KHAI-SANH

Năm 1967

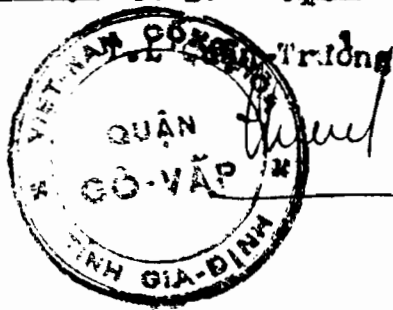
Số hiệu: 1905

HỒ SƠ QUẢN ĐỘI

Tên, họ đầu nhi	NGUYỄN - TUY - TUẤN
Phái	Nam
Sanh (ngày, tháng, năm)	Ngày tám, tháng ba, năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn
Tại	Bảo sanh Phước-Lập xã Bình-Hòa
Cha (Tên, họ)	Nguyễn-Tuy-Thước
Nghề	Quản nhân
Cư trú tại	Xã Bình-Hòa
Mẹ (Tên, họ)	Nguyễn-Thị-Tĩnh
Nghề	Nội trợ
Cư trú tại	Xã Bình-Hòa
Vợ (Chánh hay thứ)	Vợ chánh

Chúng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch
kiêm Ủy-viên Hộ-tịch Xã Bình-Hòa

Gò-Vấp, ngày 19 tháng 10 năm 1967



THIỆU-UY NGUYỄN-VĂN-THANH
PHU-TA

Trích y bản chánh:

Bình-Hòa, ngày 19 tháng 10 năm 1967



VŨ-THÀNH-HÀ

VIỆT NAM CỘNG HÒA

TỈNH GIANG GIANG

BẢN TRÍCH LỤC
BỘ KHAI SANH

XÃ BÌNH HÒA

Năm 1966

Số hiệu: 993

SƠ QUÂN

Tên, họ đầy đủ	NGUYỄN DUY THIỆP
Phối	Nam
Sinh	Ngày sáu tháng hai, năm một nghìn chín trăm sáu mươi sáu.
(tức tháng năm)	
Tại	Bảo an xã Bình Hòa
Cha	Nguyễn Duy Thuộc
(tên, họ)	
Nghề	quản nhân
Cư trú tại	xã Bình Hòa
Mẹ	Nguyễn Thị Tĩnh
(tên, họ)	
Nghề	Buôn bán
Cư trú tại	xã Bình Hòa
Vợ	Vợ chính
(Chức vụ thứ)	

Chứng thất chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch
kiêm Ủy-viên Hộ-tịch Xã Bình Hòa
Gò Vấp, ngày 10 tháng 2 năm 1966

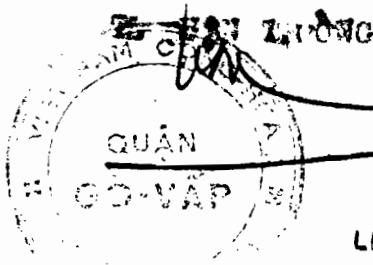
Trích y bản chính:

Bình Hòa, ngày 10 tháng 2 năm 1966
Ủy-viên Hộ-tịch,

Xã Bình Hòa ngày... tháng... năm 1966

CHỦ-TỊCH

NGUYỄN VĂN BẮC



LÊ VĂN AN

VIỆT NAM CỘNG HÒA

TỈNH GIA ĐỊNH

BỒN TRÍCH LỤC
BỘ KHAI SANH

XÃ BÌNH HÒA

Năm 1966

Số hiệu: 993

QUỐC SƠ QUÂN DÂN

Tên, họ đầy đủ	NGUYỄN DUY HIỆP
Phối	Nam
Sinh	Ngày sinh tháng hai, năm một nghìn chín trăm sáu mươi sáu.
(ngày, tháng, năm)	
Tại	Bộ sinh Đức-Xi xã Bình-Hòa
Cha	Nguyễn duy Thuận
(Tên, họ)	
Nghề	Quản nhân
Cư-trú tại	ở nhà của
Mẹ	Nguyễn thị Tĩnh
(Tên, họ)	
Nghề	Buôn bán
Cư-trú tại	xã Bình-Hòa
Vợ	Vợ chính
(Chánh hay thứ)	

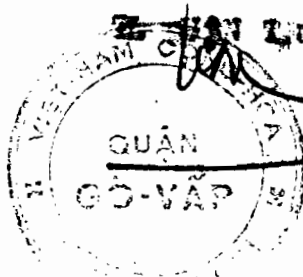
Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch
kiểm Ủy-viên Hộ-tịch Xã Bình-Hòa
Cò-và, ngày 10 tháng 6 năm 1966

Trích y bản chính:

Bình-Hòa, ngày 10 tháng 6 năm 1966
Ủy-viên Hộ-tịch,

Xã Bình-Hòa, ngày 10 tháng 6 năm 1966
CHỦ-TỊCH
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH ỦY-BAN NHÂN-CHÍNH-XÃ

NGUYỄN VĂN BẮC



LÊ-VĂN-AM

NAM - PHÂN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

Tòa Hành-Chánh Quận - NHÌ

HVC

Số hiệu : 1537-A

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám (1968)

Tên, họ đứa nhỏ	NGUYEN THI TUYET
Phái	Nữ
Ngày sanh	Bốn tháng hai năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám, 11g30
Nơi sanh	Saigon, 284 Cống-Quỳnh
Tên, họ người Cha	NGUYEN DUY THUOC
Tuổi	Bốn mươi ba
Nghề-nghiệp	Quân nhân
Nơi cư-ngụ	Gia-Định, Hoàng-Hoa-Thám
Tên, họ người Mẹ	NGUYEN THI TINH
Tuổi	Bốn mươi lăm
Nghề-nghiệp	Nội-trợ
Nơi cư-ngụ	Gia-Định, Hoàng-Hoa-Thám
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Làm tại Saigon, ngày 10 tháng 2 năm 1968

TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÁNH :

MIỄN LỆ-PHÍ
HỒ-SƠ QUÂN-ĐỘI



15 tháng 3 năm 1968

NHÌ, 6

ĐOÀN-RỮU-XƯƠNG

NAM - PHÂN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

ĐÔ - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

Tòa Hành-Chính Quận NHÌ

HVC

Số hiệu : 1537-A

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám (1968)

Tên, họ đứa nhỏ	NGUYEN THI TUYET
Phái	Nữ
Ngày sanh	Bốn tháng hai năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám, 11g30
Nơi sanh	Saigon, 284 Cống-Quỳnh
Tên, họ người Cha	NGUYEN DUY THUOC
Tuổi	Bốn mươi ba
Nghề-nghiệp	Quân nhân
Nơi cư-ngụ	Gia-Định, Hoàng-Hoa-Thám
Tên, họ người Mẹ	NGUYEN THI TINH
Tuổi	Bốn mươi lăm
Nghề-nghiệp	Nội-trợ
Nơi cư-ngụ	Gia-Định, Hoàng-Hoa-Thám
Vợ chánh hay thờ	Vợ chánh

Làm tại Saigon, ngày 10 tháng 2 năm 1968

TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÁNH :

MIỄN LỆ-PHÍ
HỒ-SƠ QUÂN-ĐỘI



15 tháng 3 năm 1968
NHÌ, 6

NG-ĐU-XUONG

lục nguyên bản tồn trữ tại phòng Lục sự Tòa Hoà Giải Rộng Quyền Miềnhoà

NAM CÔNG-HÒA

BỘ TƯ- PHÁP

Sở Tư-Pháp Nam-Việt

Tòa Hoà Giải H.C.
Miênhoà

Ngày 20 tháng 3 năm 1956

GIẤY THẺ vi hơn thu
cho Nguyễn duy Thuộc
Nguyễn-thị-Tinh
số 194

Năm một ngàn chín trăm năm mươi sáu ngày 20

tháng tư hồi 9 giờ.

Trước mặt chúng tôi là Phạm-văn-Ba.

Thẩm-Phán Tòa Hoà-Giải Việt-Nam

tại văn-phòng chúng tôi ở tại Tòa H.C. .? . Miênhoà.

có Lục-sự Trần-văn-Tài
giúp việc.

Đã đến hầu :

1. Nguyễn-văn-Thuy, 66 tuổi, làm ruộng, ngụ tại Hố Hai
(Biênhoà) tờ khai căn cước số D90AI4007.

~~Nguyễn-văn-Gia, 56 tuổi, làm ruộng, ngụ tại Hố Hai~~
(Biênhoà) tờ khai căn cước số 89AII00,

3. Nguyễn-ngọc-Thanh, 43 tuổi, cư ngụ tại Hố Hai (Miên-
hoà) tờ khai căn cước số I3A009552,

Những nhân chứng này đã tuyên thệ và khai quả quyết biết chắc
tên Nguyễn duy Thuộc sinh ngày 13-9-1925 tại làng Liêu-Dinh
tỉnh Kiên-An, con của Nguyễn duy Thân (sống) và Nguyễn-thị-Thi
(sống) - và Nguyễn-thị-Tinh, sinh ngày 27-6-1923 tại làng
Liêu-Dinh tỉnh Kiên-An con của Nguyễn-văn-Tha (sống) và
Nguyễn-thị-Xây (chết) và biết hai người này có lập hôn thê
ngày 17-1-1943 tại làng Liêu-Dinh tỉnh Kiên-an.

Và duyên cớ mà y không có thể xin sao lục hôn thú cho y.

được là vì bộ hồ tịch tỉnh Kiên-an đã bị tiêu hủy

Mấy người chứng đã xác nhận như trên đây, nên tôi phát giấy thế
vi hôn thú này cho tên Nguyễn duy Thuộc

để nạp vào hồ sơ tư nhân của đương sự.

Tuần-chức-thực 22 bị đình ngày 17 tháng 11 năm 1956 của Phủ-trưởng-chức

Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam, Các điều thứ 363 và tiếp-theo của bộ hình
luật canh cải, phạt tội nguy chứng về việc hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc
từ 50 đến 2.000 quan đã được đọc cho người chứng và nguyên đơn nghe.

Và các người chứng có ký tên với tôi và viên Lục-Sự sau khi đọc lại.

Ký tên: Phạm Văn Ba, Trần Văn Tài, Huy, Gia, Thanh

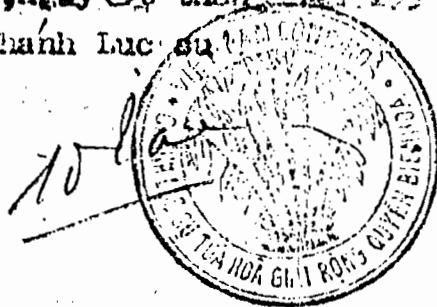
Ngoài lễ có biên như vậy: Đồng buch phần tại phòng ba Saigon, ngày 27-4
quyển 94, tờ 89, số 16/6

Ký toại Nguyễn-tân-quân

Xoan sao y theo nguyên bản

Biên bản, ngày 26 tháng Năm 1956

Chánh Lục sự



~~lục nguyên bản tồn trữ tại phòng~~ Lục sự Tòa Hòa Giải Rộng Quyền Biên Hòa

NAM CÔNG-HÒA

BỘ TƯ- PHÁP

Năm một ngàn chín trăm năm mươi sáu ngày 20

tháng tứ hồi 9 giờ.

Sở Tư-Pháp Nam-Việt

Tòa Hòa Giải R. Q.
Biên Hòa

Trước mặt chúng tôi là Phạm Văn Ba.

Ngày 20 tháng 4 năm 1956

Thẩm-Phán Tòa Hòa-Giải Việt-Nam

tại văn-phòng chúng tôi ở tại Tòa H.G. . Q. Biên Hòa.

GIẤY THẺ, vi hơn thu
cho Nguyễn duy Thuộc

Nguyễn-thị-Tinh
số 194

có Lục-sự Trần Văn Tài
giúp việc.

Đã đến hầu :

1. Nguyễn Văn Huy, 66 tuổi, làm ruộng, ngụ tại Hố Hai
(Biên Hòa) tờ khai căn cước số D90AI4007.

~~Nguyễn Văn Gia, 56 tuổi, làm ruộng, ngụ tại Hố Hai~~
(Biên Hòa) tờ khai căn cước số 89AI100,

2. Nguyễn Ngọc Thanh, 43 tuổi, cư ngụ tại Hố Hai (Biên-
hòa) tờ khai căn cước số I3A009552,

Những nhân chứng này đã tuyên thệ và khai quả quyết biết chắc
tên Nguyễn duy Thuộc sinh ngày 13-9-1925 tại làng Liêu-Dinh
tỉnh Kiên-An, con của Nguyễn duy Thân (sống) và Nguyễn-thị-Thi
(sống) - và Nguyễn-thị-Tinh, sinh ngày 27-6-1923 tại làng
Liêu-Dinh tỉnh Kiên-An con của Nguyễn Văn Nha (sống) và
Nguyễn-thị-Xây (chết) và biết hai người này có lập hôn thú
ngày 17-1-1943 tại làng Liêu-Dinh tỉnh Kiên-an.

Và duyên cớ mà y không có thể xin sao lục hôn thú cho y.

được là vì bộ hồ tịch tỉnh Kiên-an đã bị tiêu hủy

Mấy người chứng đã xác nhận như trên đây, nên tôi phát giấy thế
vi hôn thú này cho tên Nguyễn duy Thuộc

để nạp vào hồ sơ tư nhân của đương sự.

~~Trước đây, ngày 17 tháng 11 năm 1947, của Thủ tướng Chính~~

Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam. Các điều thứ 363 và tiếp-theo của bộ hình
luật canh cải, phạt tội ngụy chứng về việc hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc
từ 50 đến 2.000 quan đã được đọc cho người chứng và nguyên đơn nghe.

Và các người chứng có ký tên với lời yá viên Lạc-Sự sau khi đọc lại.

Ký tên: Phạm Văn Ba, Trần Văn Tài, Huy, Gia, Thanh

Ngoại lệ có biên như vậy: Đồng buch phân tại phòng ba Saigon, ngày 27-4,
quyển 94, tờ 89, số 16/6

Ký tên: Nguyễn Tân Xuân
Toán sao y theo nguyên bản

Biên bản, ngày 26 tháng 4 năm 1956

Chánh Lạc sự



AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP
to be completed by relative/friend in USA

I

YOUR NAME Nguyen Duy Thuy YOUR ALIEN STATUS IS:

Other name you have used N/A U.S.CITIZEN ☐ Number: _____

DATE OF BIRTH 08/29/51 PERMANENT RESIDENT ☐ A# _____

PLACE OF BIRTH Kien An.Viet Nam REFUGEE ☒ A# 28-099-221

ADDRESS IN USA _____ DATE OF ENTRY INTO USA 12^{mo.} / 14^{day} / 88^{year}

FROM WHICH COUNTRY? Philippines

TELEPHONE NO. (H) _____ (W) _____

VOLUNTARY AGENCY WITH WHICH YOU ARE NOW WORKING : INTERNATIONAL RESCUE COMMITTEE

San Jose, CA.

II

INFORMATION ON APPLICANTS IN VIETNAM

Important:
* The Principal Applicant(P.A.) is your closet relative to be considered for US entry.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (P.A.) Nguyen Duy Thuoc

Other name he/she used in Vietnam : N/A

ADDRESS IN VIETNAM 190 Nguyen Thuong Hien.Phuong 6.Quan Binh Thanh.Ho Chi Minh.Viet Nam

HAVE YOU FILED IMMIGRANT VISA PETITIONS? No CATEGORY? CAT.3

DATE AND PLACE OF FILING _____

DOES P.A. HAVE VIETNAMESE EXIT PERMIT? YES _____ NO x NUMBER(S)? _____

I AM THE : HUSBAND ☐ WIFE ☐ PARENT ☐ CHILD ☒ BROTHER ☐ SISTER ☐

OTHER _____ OF THE PRINCIPAL APPLICANT.
(Specify)

List below the persons to be considered for admission to the United States. In the column MS (marital status) indicate married (M), divorced (D), widowed (W), or single (S).

NAME In Vietnamese Order	DATE OF BIRTH	PLACE OF BIRTH	SEX	MS	RELATION TO P.A.	ADDRESS
* 1. Nguyen Duy Thuoc	mo/da/yr 09 / 13 / 25	Kien An.VN	M	M	Principal Applicant	Ho Chi Minh.Viet Nam
2. Nguyen Thi Tinh	06 / 27 / 23	:	F	M	Wife	:
3. Nguyen Duy Tuan	03 / 08 / 64	Gia Dinh.VN	M	S	Son	:
4. Nguyen Duy Thiep	02 / 06 / 66	:	M	S	:	:
5. Nguyen Thi Tuyet	02 / 04 / 68	:	F	S	Daughter	:
6.	/ /					
7.	/ /					
8.	/ /					
9.	/ /					
10.	/ /					
11.	/ /					
12.	/ /					

III

FAMILY TREE

The information below relates to you, the USA relative.

List all of your relatives requested below even if they are already listed on Page 1. Please include relatives who are already in the USA or other countries as well as those in Vietnam. We must establish your entire family. (If there is not enough room, continue on separate sheet.)

NAME	SEX (circle one)	DATE OF BIRTH mo/day/yr	COUNTRY OF BIRTH	MARRIED? (circle one)	LIVING/DEAD?	ADDRESS
A. Your husband/wife						
Do Thi Thu	M/F	1956	Viet Nam	Yes/No	Living	Ho Chi Minh.Viet Nam
B. Your other husbands/wives						
N/A	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
C. Your children						
Nguyen Duy Tung	M/F	1978	Viet Nam	Yes/No	Living	Ho Chi Minh.Viet Nam
Nguyen Duy Thien	M/F	1984	:	Yes/No	:	:
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
D. Your parents						
Nguyen Duy Thuoc	M/F	1925	Viet Nam	Yes/No	Living	Ho Chi Minh.Viet Nam
Nguyen Thi Tinh	M/F	1923	:	Yes/No	:	:
E. Your brothers/sisters						
Nguyen Duy Tuan	M/F	1964	Viet Nam	Yes/No	Living	Ho Chi Minh.Viet Nam
Nguyen Duy Thiep	M/F	1966	:	Yes/No	:	:
Nguyen Thi Tuyet	M/F	1968	:	Yes/No	:	:
Nguyen Thi Lien	M/F	1948	:	Yes/No	:	:
Nguyen Huy Kieu	M/F	1955	:	Yes/No	:	:
Nguyen Thi Loan	M/F	1957	:	Yes/No	:	:
Nguyen Duy Cuong	M	1961	:	Yes	:	:

IV A.

U.S. GOVERNMENT EMPLOYMENT

If the Principal Applicant or any accompanying relative in Vietnam was a U.S. Government employee, please complete this section.

NAME OF EMPLOYEE _____

AGENCY: EMBASSY ☐ USAID/USOM ☐ CORDS ☐ USIS ☐ USARV/MACV/DAO ☐ OTHER _____

SECTION/DIVISION/OFFICE _____

LAST POSITION : _____ LAST GRADE : _____

DURATION OF EMPLOYMENT : FROM _____ TO _____

PLACE _____ NAME OF LAST SUPERVISOR _____

REASON FOR SEPARATION _____

SECTION/DIVISION/OFFICE _____

PREVIOUS POSITION : _____ PREVIOUS GRADE : _____

DURATION OF EMPLOYMENT : FROM _____ TO _____

PLACE _____ NAME OF SUPERVISOR _____

REASON FOR SEPARATION _____

IV B.

U.S. GOVERNMENT TRAINING OR SCHOOLING IN VIETNAM

Was any training or schooling provided by the U.S. Government for the Principal Applicant or any accompanying relative? YES ☐ NO ☐

FOR: (NAME) _____

<u>DATE</u>		<u>SCHOOL</u>	<u>PLACE</u>
FROM _____	TO _____	_____	_____
FROM _____	TO _____	_____	_____

DESCRIBE : _____

V

PRIVATE EMPLOYMENT

If the Principal Applicant or any accompanying relative worked for a U.S. company or organization, please complete this section.

NAME OF EMPLOYEE _____
 JOB TITLE _____
 NAME OF COMPANY or ORGANIZATION _____
 SUPERVISOR'S NAME _____
 PLACE _____ FROM _____ TO _____
 JOB DESCRIPTION _____
 EMPLOYEE NUMBER _____ BADGE NUMBER _____ PAYROLL NUMBER _____
 REASON FOR SEPARATION _____

NAME OF PREVIOUS COMPANY or ORGANIZATION _____
 PREVIOUS JOB TITLE _____ SUPERVISOR'S NAME _____
 PLACE _____ FROM _____ TO _____
 JOB DESCRIPTION _____
 EMPLOYEE NUMBER _____ BADGE NUMBER _____ PAYROLL NUMBER _____
 REASON FOR SEPARATION _____

VI

TRAINING OR SCHOOLING OUTSIDE VIETNAM

If the Principal Applicant or any accompanying relative in Vietnam was trained or educated outside Vietnam, please complete this section.

NAME OF STUDENT/TRAINEE _____ NAME OF SCHOOL _____
 DESCRIPTION OF COURSES _____
 PLACE _____ DEGREE/CERTIFICATE _____
 WHO PAID FOR THE TRAINING? _____
 DURATION OF TRAINING FROM _____ TO _____

NAME OF STUDENT/TRAINEE _____ NAME OF SCHOOL _____
 DESCRIPTION OF COURSES _____
 PLACE _____ DEGREE/CERTIFICATE _____
 WHO PAID FOR THE TRAINING? _____
 DURATION OF TRAINING FROM _____ TO _____

VII VIETNAMESE GOVERNMENT OR MILITARY SERVICE

If the Principal Applicant or any accompanying relative worked for the Vietnamese Government or served in the Vietnamese military prior to 1975, please complete this section.

NAME OF PERSON Nguyen Duy Thuoc Military Serial # 25/062-155
 MINISTRY OR MILITARY UNIT ARVN TITLE OR RANK 1st Lieutenant
 PLACE Saigon, Viet Nam FROM _____ TO 04/30/75
 JOB DESCRIPTION _____
 LIST ANY AWARDS, COMMENDATIONS, OR MEDALS RECEIVED FROM THE U.S. GOVERNMENT: _____

DID YOUR RELATIVES WORK CLOSELY WITH AMERICANS? YES ☐ NO ☐ IF YES, PLEASE DESCRIBE: _____
 NAMES/RANKS OF ANY AMERICAN ADVISORS _____

VIII RE-EDUCATION

DID THE PRINCIPAL APPLICANT OR ANY ACCOMPANYING RELATIVE SPEND TIME IN REEDUCATION? YES ☒ NO ☐

NAME Nguyen Duy Thuoc DURATION from 05/05/75 to 01/21/81
 NAME _____ DURATION from _____ to _____

IX REMARKS

Are there any special considerations or comments that would affect your relatives' eligibility? _____

IF MORE SPACE IS NECESSARY FOR YOU TO ADD MORE COMPLETE INFORMATION ABOUT ANY OF THE ITEMS REQUESTED ON THIS AFFIDAVIT, PLEASE WRITE THAT INFORMATION ON A SEPARATE SHEET TO BE ATTACHED TO THE AFFIDAVIT. THIS WILL BE NECESSARY IF MORE THAN ONE FAMILY MEMBER WORKED FOR THE U.S. GOVERNMENT, A U.S. COMPANY, OR THE VIETNAMESE GOVERNMENT.

X NOTARIZATION

I swear that the above information is true. I understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States.

Nguyen
 Signature of Applicant

Subscribed and sworn to me
 this 31st day of October, 1989

Kim Nhung Hoang
 Signature of Notary

My commission expires: May 08, 1990



NOTE: If you are a refugee or Permanent Resident Alien, please attach a copy of your I-94 (refugee) or I-151/I-551 (Permanent Resident Alien) green card to the completed affidavit. Do not photocopy your Naturalization Certificate.

HỒ SƠ BỔ TÚC
CỦA NGUYỄN DUY THUỐC
CẤP BÁC TRUNG UY
CHỨC VỤ LIÊN ĐỘI PHÓ LIÊN ĐỘI
TRẠI VIÊN TRẠI AN DŨNG
QUÂN ĐỘI

TRẠI TỰ TRẠI THANH CẨM (THANH HÓA)

Bị bắt Ngày 05.06.1975

đến 21.01.1981

Địa chỉ Việt Nam 190 Nguyễn Trường Thi phường 6
Quận Bình Thạnh, T.P. Hồ Chí Minh.
Hồ Sơ đính kèm

- 2 Giấy Ra Trại
- 2 Khai Sản NGUYỄN DUY THUỐC (cha)
- 2 Khai Sản NGUYỄN THỊ TÌNH (mẹ)
- 2 Khai Sản NGUYỄN DUY TUẤN (em)
- 2 Khai Sản NGUYỄN DUY THIẾP (em)
- 2 Khai Sản NGUYỄN THỊ TUYẾT em
- 2 Giấy Tê Vi Hôn Thê của NGUYỄN DUY THUỐC

- 1 ĐƠN XIN BẢO TRỞ của con NGUYỄN DUY
THUY xin ở INTERNATIONAL RESCUE COMMITTEE (IRC)

- 2 Tấm ảnh 4 x 6 của Nguyễn Duy Thuốc

FROM NGUYỄN DUY THUY

15 1989

PM

SAN JOSE, CA 951

25 USA

25 USA

25 USA

~~TO: HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÃN CHÍNH TRỊ~~
VIỆT NAM.

P.O. BOX 5435, ARLINGTON,

VA. 22205

NOV 20 1989

HỒ SƠ BỔ TÚC
CỦA NGUYỄN DUY THỰC



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyen duy Thuoc
Last Middle First

Current Address: 190 Nguyen Thuong Hien P.6 Binh Thanh Ho Chi Minh

Date of Birth: 1925 Place of Birth: Kien An Vietnam

Previous Occupation (before 1975) First lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 5-5-75 To 21-1-81
Years: 6 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Ngày Mẫu Khỏa của Tôi là Ngày 10/12/1988

Tư lịch của Cha Tôi hiện đang ở Việt Nam

Cha: Nguyễn duy Chuộc

Sinh Năm 1925 Tại Kiên An (BV)

Cấp bậc Trung úy. Số quân 25/062.155

Chiến vụ Bình định phản

Tung Sư Tại Trại an dưỡng Quân đội gia đình

Thuộc Cục An ninh Quân đội Tổng cục chính trị

Năm 1969 Cha Tôi có đi học tại OKINAWA (Nhật)

Khóa An ninh Căn bản (Không nhỏ khóa)

Địa chỉ hiện nay 190 Nguyễn thường liên phường 6

Quận Bình Chánh TP. Hồ Chí Minh

Lễ bắt Ngày 05/05/1975

Và lễ giam Tại Trại Cải tạo Thanh Cẩm (Bắc Việt)

Trả Tự do Ngày 21-01-1981

Me: Nguyễn Thị Tĩnh Sinh Năm 1923 Kiên An (BV)

Hiện ở 190 Nguyễn thường liên phường 6 Bình Chánh

TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ Tôi hiện nay: Nguyễn duy Chuộc

P.# 10474 BLDG 1016 B

P.R.P.C. PO BOX 7635

NATA PASAY CITY C. 1300 Philippines

Kính xin Hài gởi báo để Tôi biết về Các Chức Túc nếu cần

Trong khi chờ đợi xin Nhân nơi đây lòng Thành Kính và biết ơn
của Tôi

Dính Kèm

- 1 photo cải tạo

Số 02/GAT

Ngày 15.09.1988

Kính gửi: Hội Trường

Hội Giảng Viên Nhân Chứng Tự Việt Nam.

Trước đây, Xin gửi giới thiệu để Bộ Tư pháp số 00P cho CTTA

và Xin được gởi tên tôi vào danh sách các tù nhân.

Tôi tên Nguyễn duy Chánh, hiện đang học ở trường Mỹ tại Bataan

Philippines. Từ 1975 tôi ở Trung tâm sửa chữa II không quân (KBC 3126)

Ngày tôi làm đơn Nay kính xin Hội Tư Nhân Chứng Tự Việt

Nam giúp để cho tôi 1 giấy giới thiệu để Bộ Tư pháp số 00P xin đình chỉ

tại thời kỳ theo Chương trình 00P. Hiện giúp để chuyển đến Văn phòng

00P.

Chào tôi tên: NGUYỄN DUY THƯỚC. Sinh năm 1935 tại

Kien an (BV) trước khi miền Nam bị chiếm đóng. Cha tôi là

Tung uy. Biên đơn pho. Trại Andyung Quan đời Giảng. Chức

Tổng cục chức Trại Andyung Quan đời (Số quân 25/002.155)

Cấp bậc: Trung úy. Cha tôi là Trại Andyung Quan đời (Số quân 25/002.155)

Đã bắt ngày 05/05/1975 và được thả từ đó Ngày 21.04.1981

Hiện nay cư ngụ tại 190 Nguyễn Trường Kiêu phường 6 Quận Bình

Chánh. TP Hồ Chí Minh.

Kính thưa Hội Trường

Vì tôi là bị hàng hóa nên tôi là bị hàng hóa nên tôi là bị hàng hóa nên

Nên chúng tôi từ đó cho tôi. Khi tôi về giảng. Các

họ bác - chức. Giảng viên ở các nơi rất là khó khăn. Nhiều khi

cha tôi đã nhận là một. Đây hoàn toàn là một. Đây hoàn toàn là một.

đã nhận một là sự thật. Hiện nay tôi đã được chuyển đến Mỹ

Chấp nhận đưa đến đây. Và có 2 lần để gọi đến Hội. Không chỉ

giúp để của tôi. Đây cũng là một việc để an ủi cha tôi.

Chấp nhận đưa đến đây. Con tôi đang học ở Đại Nhai.

Một lần nữa xin Hội cứu xét và giúp để cho cha tôi.

Giấy tờ này của tôi xin cho tôi xét để tôi xin xét.

Hội Trường. Tôi cảm ơn Hội

Nguyễn Văn Sơn

Nguyễn duy Chánh

Nguyễn duy Chánh

PA 13882

BỘ NỘI VỤ
Trại **Thanh cộng**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTĐ, ban
hành theo công văn số
2365 ngày 21 tháng 11
năm 1973

Số **02** / GTT

0015.78.0370.2

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 986-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định thả số **19** ngày **10** tháng **1** năm **81**

của **Bộ nội vụ**

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: **NGUYỄN DUY THẠC**

Họ, tên thường gọi: **Nguyễn Duy Thạc**

Họ, tên bí danh:

Sinh ngày **1** tháng **1** năm **1985**

Nơi sinh: **Kiến An**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt:

190 Nguyễn Thiện Hiền, Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Cán tội: **Trung úy biên đội nội**

Bị bắt ngày **9/5/75** An phát **1901**

Theo quyết định, án vụ số **1** ngày **1** tháng **1** năm **81** của

Bộ nội vụ

Đã bị tống án **1** lần, cộng thành **1** năm **1** tháng **1**

Hà được giảm án **1** lần, cộng thành **1** năm **1** tháng **1**

Nay về cư trú tại **190 Nguyễn Thiện Hiền, Bình Thạnh, TP/ HCM**

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng: **Chưa thực sự an tâm cất vạ**

Leo động: **Đến 6 giờ sáng cũng không ngủ được**

Học tập: **Thao giã chữ đủ**

Nội qui: **Thiếu hành nghiêm chỉnh**

Lưu tay ngón trái phải

Của **Thuộc**

Danh bản số

Lập tại

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày **21** tháng **1** năm **1981**

Giám thị

Nguyễn Duy Thạc

Dai tự: Lê Xuân Chơ

From. Nguyễn duy Chủy
P#10474 . BLDG 1016 B
PR.PC PO Box 7635
NAIA PASAY CITY C.1300

Philippines
Lữ đoàn
Đầu tiên
mới -

To. HỘ GIA-ĐÌNH TỰ-NHÂN
CHÍNH-TRỊ. VIETNAM.

PO Box 5435 Arlington
VA. 22205 - 0635

U.S.A.

SEP 30 1988

Air Mail